

Bản án số: 102/2021/DS-PT
Ngày: 30-03-2021
V/v tranh chấp dân sự- Nợ hui;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;
Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Giao;
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Phụng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp dân sự- hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2020/ DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1962;
Địa chỉ: tổ 13, ấp 1, xã B, huyện C, Đồng Tháp.
2. *Bị đơn:* Nguyễn Tuyết L, sinh năm 1977;
Địa chỉ: tổ 8, ấp 4, xã Bì, huyện C, Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Chị Nguyễn Tuyết L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Ngọc T là nguyên đơn trình bày:

Bà T và chị Nguyễn Tuyết L là chỗ quen biết nên từ năm 2017 bà T có cho chị L vay nhiều lần tiền, bà T không nhớ bao nhiêu lần, cụ thể mỗi lần bao nhiêu

tiền. Đến ngày 20/12/2018, bà T và chị L có tính toán lại với nhau về các khoản vay, các khoản đã trả và tổng kết lại thì chị L còn nợ bà T số tiền 414.100.000 đồng. Do đó, chị L có làm biên nhận nợ tiền mặt ghi ngày 20/12/2018 cho bà T với nội dung chị L có nhận của bà T số tiền 414.100.000 đồng và hẹn đến ngày 20/02/2019 sẽ trả, khi thỏa thuận lại thì không tính lãi.

Đến hạn chị L không trả tiền, bà T phải nhắc nhở nhiều lần thì đến ngày 20/3/2019 chị L có trả được số tiền 14.100.000 đồng, còn nợ 400.000.000 đồng và không trả nữa.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu chị L trả số tiền vay còn nợ 400.000.000 đồng và tiền lãi, mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/4/2019 đến khi xét xử sơ thẩm 30/9/2020 là 18 tháng, số tiền 59.760.000 đồng.

- Bị đơn là chị Tuyết L vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T.

+ Buộc chị Nguyễn Tuyết L trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền 459.760.000 đồng (Bốn trăm năm mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và tuyên về thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm chị L kháng cáo một phần bản án; chị yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, xác định số tiền chị Tuyết L nợ bà T là tiền nợ hụi không phải tiền vay.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn là bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị L trả số tiền là 352.000.000đ, không yêu cầu tính lãi và xác định đây là nợ hụi;

- Bị đơn là chị L đồng ý với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là 352.000.000đ và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị L. Sửa bản án sơ thẩm do nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, phù hợp với ý kiến trình bày của bị đơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn chị Nguyễn Tuyết L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên vụ án được xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự- nợ hui theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định lại quan hệ tranh chấp không phải do lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm mà do bị đơn có văn bản ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm và được nguyên đơn thừa nhận đây là nợ hui. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp cho phù hợp. Bị đơn là chị L đang sinh sống tại huyện C nên Tòa án huyện C thụ lý giải quyết là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Tuyết L, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L và bà T đều xác định đây là tiền nợ hui nên nay bà T yêu cầu chị L trả số tiền nợ hui còn thiếu là 352.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Chị L thừa nhận còn nợ lại số tiền nợ hui này và đồng ý trả theo yêu cầu của bà T. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về số tiền nợ hui.

Chị L đồng ý trả cho bà T số tiền nợ hui còn nợ là 352.000.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện cũng như ý kiến trình bày về số tiền nợ là nợ hui của bà T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với nội dung kháng cáo của chị L nên đã làm thay đổi quan hệ tranh chấp và nội dung giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị L, sửa án sơ thẩm và xác định không phải là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm.

Bên cạnh đó, trong nội dung đơn kháng cáo cũng như ý kiến trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, chị L còn nại ra việc bà T nợ chị tiền vay là 300.000.000đ chưa trả, bà T thì cho rằng đã trả nợ xong cho chị L. Tuy nhiên, vấn đề này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết do chị L chưa có yêu cầu. Vì vậy, chị L được quyền khởi kiện bà T bằng một vụ án dân sự khác.

Do sửa án sơ thẩm nên chị L không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Đồng thời, do bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện nên tiền án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính lại theo quy định pháp luật.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Các nội dung còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 26; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Tuyết L;
2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 76/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện C.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Tuyết L.

Chị Nguyễn Tuyết L đồng ý trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền nợ hui là 352.000.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Tuyết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.800.000 đồng (Tám triệu tám trăm nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.925.000 đồng (Mười một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003980, ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí phúc thẩm:

Chị L không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho chị L 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004194 ngày 26/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện C.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS H. Cao Lãnh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh